

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUÝ III**
*(Kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thực hiện Công văn số 1280/UBND ngày 5/6/2020 của UBND huyện về việc báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020. UBND xã Quảng Lợi báo cáo kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị Quý III năm 2020, cụ thể như sau:

1. Đánh giá tác động TTHC

Quý 3 Năm 2020 Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi không ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC. Căn cứ quyết định số 1015/QĐ – UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL

Không có

3. Về công bố, công khai TTHC

Ủy ban nhân dân xã đã thông báo trên hệ thống truyền thanh và niêm yết công khai tại bảng niêm yết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã cho các tổ chức, công dân biết để thuận tiện giao dịch công việc.

Các thủ tục hành chính hiện nay thực hiện tại bộ phận một cửa cấp xã bao gồm: Có 158 danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Quảng Lợi. Trong đó: 139 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ

ché một cửa theo quy định của UBND tỉnh. Tại xã áp dụng 137 TTHC/23 lĩnh vực. Có 02 thủ tục thuộc lĩnh vực Dân tộc đối với địa phương không có người dân tộc thiểu số vì vậy không áp dụng. 19 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.

Bên cạnh đó UBND xã đã ra thông báo và niêm yết các TTHC mới được bổ sung, sửa đổi theo quyết định của UBND tỉnh trong quý 3.

4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ: 205 hồ sơ(có phụ lục kèm theo)

- Kết quả giải quyết TTHC : Trong 205 hồ sơ đã giải quyết 197 hồ sơ (đúng hạn 192, trễ hạn 5); hồ sơ đang giải quyết 8 hồ sơ đến nay đã quá hạn.

5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong quý 3 năm 2020 Ủy ban nhân dân xã không nhận được đơn thư phản ánh, kiến nghị của tổ chức và công dân về Thủ tục hành chính.

6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đối với văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành và kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính sau khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, trong quý 3 đã rà soát 01 văn bản (nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2020). Định kỳ và đột xuất tổ chức khảo sát, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính tại ban ngành, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp , nhằm kịp thời chấn chỉnh những trường hợp thực hiện không đúng quy định, có thái độ gây phiền hà cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời, phát hiện những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thủ tục hành chính để kiến nghị giải pháp giải quyết kịp thời.

7. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Chủ yếu được tuyên truyền thông qua Đài truyền thanh của xã, thông qua các buổi họp ở các thôn và thông báo tại bộ phận một cửa của xã

8. Về việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC (nếu có) Không có

9. Về công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Không có

10. Nội dung khác

Không có

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong quý 3 năm 2020, việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả quan trọng như: TTHC trên nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước đã được thống kê, rà soát, đơn giản hóa và công bố công khai theo đúng quy định; cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC đã được củng cố kiến thức và đang dần đi vào hoạt động có hiệu quả; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được thực hiện kịp thời, đúng quy định và đạt hiệu quả cao...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát TTHC trong quý 3 năm 2020 vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Việc phối hợp rà soát, cập nhật, công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có lúc vẫn còn chậm so với yêu cầu.
- Việc cập nhật, nhập dữ liệu TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia chưa thực hiện được.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA KỲ TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả các Kế hoạch liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính đề ra; đồng thời, tiến hành kiểm tra các hoạt động có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính để có biện pháp chấn chỉnh, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc tại địa phương.

2. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động thủ tục hành chính, tăng cường nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thủ tục hành chính.

3. Ban hành Quy chế phối hợp công bố thủ tục hành chính trên địa bàn xã Quảng Lợi.

4. Chỉ đạo cán bộ, công chức rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết; đồng thời, cập nhật thủ tục hành chính được công bố vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các hoạt động cũng như những kết quả đạt được trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn xã.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Đề nghị cấp trên quan tâm tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính cấp xã

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi về công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý 3 năm 2020

Nơi nhận:

- UBND huyện Quảng Điền;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Lành

Biểu số 05a/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/ TT-VPCP ngày 31/
10/2017.

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
(Quý/năm)**

Kỳ báo cáo: Quý 3 Năm 2020
(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 đến ngày 14 tháng 9
năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi
Đơn vị nhận báo cáo:
Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền
(Văn phòng UBND huyện)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

| Ngành, lĩnh vực có PAKN | Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua) | | Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính | | | | | | | | | Đăng tải công khai kết quả xử lý | |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---|
| | Tổng số | Chia ra | | Đã xử lý | | | | Đang xử lý | | | | | |
| | | Số PAKN về hành vi hành chính | Số PAKN về nội dung quy định hành chính | Tổng số | Chia theo nội dung PAKN | | Chia theo thời điểm tiếp nhận | | Tổng số | Chia ra | | | |
| | | | | | Số PAKN về hành vi hành chính | Số PAKN về nội dung quy định hành chính | Tiếp nhận mới trong kỳ | Kỳ trước chuyển qua | | Số PAKN về hành vi hành chính | Số PAKN về nội dung quy định hành chính | | |
| A | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| Không có | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ... | | | | | | | | | | | | | |

Biểu số 06b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/ TT-VPCP ngày 31/
10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ
TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP XÃ
(Quý/năm)**

Kỳ báo cáo: Quý 3 Năm 2020
(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 đến ngày 14 tháng 9
năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền

(Văn phòng UBND huyện)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp | Số hồ sơ nhận giải quyết | | | | Kết quả giải quyết | | | | | | Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------------|---------------|---------|-----------------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | Số hồ sơ đã giải quyết | | | Số hồ sơ đang giải quyết | | | Tổng số | Đã giải quyết | | Đang giải quyết |
| | | | Số mới tiếp nhận trực tuyến | Số kỳ trước chuyển qua | Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) | Tổng số | Trả đúng thời hạn | Trả quá hạn | Tổng số | Chưa đến hạn | Quá hạn | | Đúng thời hạn | Quá hạn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 1 | Lĩnh vực Hộ tịch | 92 | 0 | 0 | 0 | 92 | 92 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Lĩnh vực Chứng thực | 74 | 0 | 0 | 0 | 74 | 74 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lĩnh vực Nuôi con nuôi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Phổ biến, giáo dục pháp luật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Hòa giải ở cơ sở | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bồi thường nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Tôn giáo | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Thi đua khen thưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp | Số hồ sơ nhận giải quyết | | | | Kết quả giải quyết | | | | | | Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------------|---------------|---------|-----------------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | Số hồ sơ đã giải quyết | | | Số hồ sơ đang giải quyết | | | Tổng số | Đã giải quyết | | Đang giải quyết |
| | | | Số mới tiếp nhận trực tuyến | Số kỳ trước chuyển qua | Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) | Tổng số | Trả đúng thời hạn | Trả quá hạn | Tổng số | Chưa đến hạn | Quá hạn | | Đúng thời hạn | Quá hạn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 9 | Phát triển Nông thôn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Khuyến Nông | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Văn hóa, thể thao | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | Giáo dục, đào tạo | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Người có công | 5 | 0 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 | 1 | 1 | 0 | 5 | 0 | 0 | 1 |
| 15 | Lĩnh vực Đất đai | 8 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 3 | 5 | 0 | 5 | 8 | 0 | 3 | 5 |
| 16 | Lĩnh vực Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17 | Lĩnh vực Kinh tế tập thể - Hợp tác xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | Bảo trợ xã hội | 26 | 0 | 0 | 0 | 24 | 22 | 2 | 2 | 2 | 0 | 26 | 22 | 2 | 2 |
| 19 | Khiêu nại, tố cáo | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 20 | Phòng chống tham nhũng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21 | Bảo vệ và chăm sóc trẻ em | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 22 | Phòng chống tệ nạn xã hội | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp | Số hồ sơ nhận giải quyết | | | | Kết quả giải quyết | | | | | | Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | Số hồ sơ đã giải quyết | | | Số hồ sơ đang giải quyết | | | Tổng số | Đã giải quyết | | Đang giải quyết |
| | | | Số mới tiếp nhận trực tuyến | Số kỳ trước chuyển qua | Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) | Tổng số | Trả đúng thời hạn | Trả quá hạn | Tổng số | Chưa đến hạn | Quá hạn | | Tổng số | Đúng thời hạn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 23 | Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 24 | Y tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 205 | 0 | 0 | 0 | 197 | 192 | 5 | 8 | 3 | 5 | 39 | 22 | 5 | 8 |

Biểu số 06g/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/ TT-VPCP ngày 31/
10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Quý/năm)**

Kỳ báo cáo: Quý 3 Năm 2020
(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2019 đến ngày 14 tháng 9
năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi
Đơn vị nhận báo cáo:
Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền
(Văn phòng UBND huyện)

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết | Số lượng hồ sơ | Nguyên nhân quá hạn | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Lĩnh vực đất đai | 5 | Hồ sơ trễ hạn toàn bộ là hồ sơ liên thông cấp huyện giải quyết trễ hạn | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| | Tổng số: | | | |

II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

1) a1x5:

| STT | Tên TTHC | Nội dung vướng mắc | Văn bản QPPL |
|-----|------------|--------------------|--------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| I | Lĩnh vực A | | |
| 1 | Không có | | |

| | | | |
|-----------|--|--|--|
| 2 | | | |
| <i>II</i> | | | |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |

2. a2x3:

| STT | Tên TTHC | Nội dung vướng mắc | Văn bản QPPL |
|------------|-----------------|---------------------------|---------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| <i>I</i> | <i>Không có</i> | | |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| <i>II</i> | | | |
| 1 | | | |